

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2025 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xây dựng và triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện Chiến lược phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Bắc Kạn.

- Là cơ sở để Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh rà soát, xây dựng, điều chỉnh các kế hoạch, chương trình hành động liên quan nhằm thực hiện Chiến lược phù hợp với điều kiện, chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Là cơ sở để tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chiến lược trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch phải bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Kế hoạch phải đảm bảo tính khả thi; đúng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố; thể hiện vai trò của đơn vị chủ trì và sự hợp tác giữa các đơn vị trong việc triển khai thực hiện Chiến lược.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển giáo dục tỉnh Bắc Kạn từng bước hiện đại, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu văn minh nhân loại, phát triển toàn diện con người Việt Nam, đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới, chủ động tham gia và thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các tiến bộ mới nhất của khoa học và công nghệ; chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, tạo nền tảng cho việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đất nước phồn vinh và hạnh phúc. Phát triển hệ thống giáo dục mở, đảm bảo công bằng và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, phục vụ học tập suốt đời, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa, hội nhập quốc tế. Đến năm 2030, giáo dục tỉnh Bắc Kạn đạt trình độ ngang với các tỉnh trong khu vực và đến năm 2045 đạt trình độ cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Giáo dục mầm non

Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phấn đấu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt 38% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 99% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo, riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi duy trì đạt 100%; duy trì 100% trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non.

Phấn đấu 100% trẻ em mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục được nâng cao, đảm bảo trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị vào học lớp 1.

100% giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

Phấn đấu tỷ lệ cơ sở mầm non dân lập, tư thục (trường, nhóm trẻ) đạt 10%, số trẻ em theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục đạt 10%.

Phấn đấu tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; có 82% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

b) Giáo dục phổ thông

Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở; duy trì 100% các huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; 5/8 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; 3/8 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3; tỉnh Bắc Kạn đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2.

Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%, cấp trung học cơ sở đạt 97%; tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,5%, trung học cơ sở đạt 99% và hoàn thành cấp trung học phổ thông đạt 95%; tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở đạt 99,5%, từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông và các trình độ khác đạt 95%; 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày.

100% giáo viên phổ thông đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

Phấn đấu có 01 cơ sở giáo dục phổ thông tư thục và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đạt 1,0%.

Phấn đấu tỷ lệ phòng học kiên cố cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông đạt 100%; có 88% trường tiểu học, 77% trường trung học cơ sở (trường có cấp cao nhất là THCS) và 60% trường trung học phổ thông (trường có cấp cao nhất là THPT) đạt chuẩn quốc gia.

c) Giáo dục đại học

Số sinh viên đại học/vạn dân đạt ít nhất là 250, tỷ lệ sinh viên đại học trong nhóm độ tuổi 18-22 đạt ít nhất 35%.

d) Giáo dục thường xuyên

Phân đầu tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt 98%. Có 100% các huyện, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Triển khai mô hình thành phố học tập toàn cầu trên địa bàn thành phố Bắc Kạn; có ít nhất 50% huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh được công nhận danh hiệu huyện/thành phố học tập.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện thể chế

Rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện hệ thống pháp luật, các cơ chế, chính sách về giáo dục, đào tạo và các lĩnh vực có liên quan theo hướng khoa học, hiện đại, đồng bộ, liên thông, phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn ở nước ta, tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh cho phát triển giáo dục và đào tạo. Cụ thể:

Hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư cho giáo dục và đào tạo theo hướng Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, huy động sự tham gia hiệu quả của toàn xã hội vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo; bảo đảm tính đồng bộ của các văn bản pháp luật liên quan, nhất là về đầu tư, tài chính, tài sản công, ngân sách nhà nước và tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập; rà soát, hoàn thiện các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng và thuế đối với tất cả cơ sở giáo dục; tạo động lực thúc đẩy hợp tác và cạnh tranh bình đẳng trong mạng lưới cơ sở giáo dục công lập và tư thục, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư phát triển giáo dục.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới theo chỉ đạo của Bộ GD&ĐT; nâng cao chất lượng việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; chú trọng xây dựng, triển khai các chương trình giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, phát huy năng lực tự học, năng lực sáng tạo của người học; xây dựng và ban hành chuẩn chương trình đào tạo cho các ngành, nhóm ngành cao đẳng sư phạm phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, Khung bảo đảm chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm.

Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách tiền lương, tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Nghiên cứu, tham mưu xây dựng chính sách động viên kịp thời đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục công tác tại vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số; có chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với nhà giáo công tác tại cơ sở giáo dục chuyên biệt.

2. Đổi mới quản lý giáo dục và quản trị nhà trường

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà nước về giáo dục; đổi mới bộ máy quản lý theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, liên thông trong quản lý nhà nước từ trung ương tới địa phương và các

cơ sở giáo dục, trong hệ thống giáo dục quốc dân từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đến giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp; thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp; tăng cường năng lực thực thi; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trong việc quyết định về biên chế, tổ chức bộ máy, chính sách đối với nhà giáo và phân bổ ngân sách nhà nước cho ngành giáo dục.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản trị cơ sở giáo dục theo hướng khoa học, hiện đại phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn của tỉnh; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ của các cơ sở giáo dục; bảo đảm việc tham gia của người học, gia đình và xã hội trong giám sát các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý giáo dục và quản trị nhà trường. Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục lành mạnh, phù hợp với yêu cầu của gia đình và xã hội. Thực hiện việc bí thư cấp ủy kiêm chủ tịch hội đồng trường công lập. Đánh giá toàn diện việc thực hiện chủ trương sáp xếp, sáp nhập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh để có giải pháp phù hợp, tạo thuận lợi cho công tác quản lý và phát triển hệ thống này trong thời gian tới.

Tăng cường chất lượng của công tác lập kế hoạch; tổ chức dự báo, cung cấp thường xuyên các thông tin về phát triển giáo dục và nhu cầu nhân lực của xã hội cho các ngành, các cấp, các cơ sở giáo dục để điều tiết quy mô, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo cho phù hợp với nhu cầu sử dụng.

Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về giáo dục; thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn về công tác thanh tra, kiểm tra của các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ sở giáo dục, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch. Tăng cường năng lực đội ngũ thanh tra giáo dục để góp phần nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

3. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

Thực hiện công bằng và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, nhất là của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu đô thị đông dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất và các đối tượng là trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phụ nữ và trẻ em gái, những đối tượng yếu thế khác. Tăng cường dạy học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số, gìn giữ và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

Có chính sách hỗ trợ trẻ dưới 36 tháng tuổi được vào học ở nhà trẻ, nhất là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu công nghiệp, khu chế

xuất, khu đô thị đông dân cư. Nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, tiến tới xóa mù chức năng.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách hỗ trợ cho người học là đối tượng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo; chính sách tín dụng giáo dục, học bổng, trợ cấp xã hội cho người học; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt, tạo cơ hội học tập công bằng cho mọi người; chính sách cho sinh viên theo chế độ cử tuyển, học sinh trường dự bị đại học, người học là người dân tộc thiểu số rất ít người.

Bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật. Tiếp tục triển khai có hiệu quả ba phương thức giáo dục cho người khuyết tật là phương thức giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập và chuyên biệt, trong đó đặc biệt quan tâm đến phương thức giáo dục hòa nhập.

Tiếp tục củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú nhằm duy trì kết quả phổ cập giáo dục và tạo nguồn đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân

Triển khai có hiệu quả quy hoạch ngành GD&ĐT gắn với quy hoạch tỉnh Bắc Kạn theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng mở; linh hoạt, đa dạng hoá các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục, phương thức học tập, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Gắn kết liên thông giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa phương, địa bàn cụ thể, nhất là ở địa bàn vùng cao, khu đông dân cư, tạo công bằng trong tiếp cận giáo dục, bảo đảm đủ trường, lớp học và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở tiến tới thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục tư thục ở những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển. Nghiên cứu phát triển các mô hình mới như trường học số, trường học thông minh, trường học hạnh phúc, trường chất lượng cao, trường công lập tự chủ...

Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở, linh hoạt, hiệu quả bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập.

Triển khai hiệu quả hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Bắc Kạn đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật.

Rà soát, ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục

Đổi mới Chương trình giáo dục mầm non bảo đảm đồng bộ về nội dung và phương pháp, tiếp cận xu hướng tiên tiến về phát triển chương trình, phù hợp với tình hình thực tiễn, liên thông với đổi mới giáo dục phổ thông; tăng cường quản lý việc thực hiện Chương trình trong các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, quan tâm hỗ trợ chuyên môn đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập; chuẩn bị đủ các điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới.

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực từng cá nhân người học; đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông; nâng cao năng lực tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân.

Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh; khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tài liệu, đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên. Tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục.

Đổi mới chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục quốc phòng và an ninh, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho học sinh, sinh viên. Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức, bảo đảm thời lượng phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống; hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho học sinh, sinh viên. Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, xây dựng trường học an toàn, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh toàn diện cả về thể chất và tinh thần. Xây dựng các tiêu chí, yêu cầu cần đạt để đánh giá tính tích cực, chủ động của học sinh, sinh viên khi tham gia các hoạt động.

Đổi mới đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; thúc đẩy môi trường học tập hài hòa, hạnh phúc, giảm nhẹ áp lực học tập, phát huy tối đa tiềm năng của người học, khuyến khích học theo đam mê và sở thích.

Hoàn thiện các phương thức đánh giá, tiếp cận các thông lệ tốt của quốc tế, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tăng cường phân tích kết quả đánh giá phục vụ dạy học và quản lý giáo dục. Đẩy mạnh công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Triển khai hiệu quả các chu kỳ đánh giá diện rộng cấp quốc gia nhằm định kỳ cung cấp các thông tin khách quan, tin cậy về chất lượng giáo dục phổ thông, làm cơ sở đề xuất các chính sách, giải pháp đổi mới các hoạt động dạy và học đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và hội nhập quốc tế.

Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; khuyến khích dạy học một số môn học bằng ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông; đảm bảo đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đủ về số lượng và chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ. Triển khai thực hiện Đề án Ngoại ngữ Quốc gia trong giai đoạn mới.

Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.

6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn nghề nghiệp.

Đổi mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng giáo viên đảm bảo các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên được bố trí đủ định mức giáo viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Chương trình giáo dục thường xuyên.

Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên ngành giáo dục theo hướng phát triển năng lực và đạo đức nghề nghiệp.

Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tuyển dụng, quản lý sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, yên tâm công tác và cống hiến; đồng thời thu hút được người giỏi vào ngành giáo dục và tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục phát triển; nghiên cứu, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về giáo dục đào tạo ở các cấp học gắn với hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển đội ngũ. Có chính sách khuyến khích, ưu đãi đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục công tác tại vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số, nhà giáo đang công tác trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt. Thực hiện chủ trương lương của nhà giáo được ưu tiên cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục

Bố trí ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo bảo đảm đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước theo quy định và quản lý sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo. Kịp thời điều chỉnh tăng mức chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo phù hợp với tăng trưởng của nền kinh tế. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho giáo dục bắt buộc, giáo dục phổ cập, miễn học phí cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi, xóa mù chữ, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, các nhiệm vụ trọng điểm, các chương trình mục tiêu, các ngành nghề mũi nhọn; ưu tiên đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Nghiên cứu cơ chế phân bổ nguồn lực theo hướng chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ giáo dục theo kết quả đầu ra. Thực hiện cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của một số loại hình dịch vụ đào tạo. Tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của nhà nước đối với người học ở trường công lập và tư thục. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích cộng đồng, xã hội tham gia phát triển giáo dục, nhất là đầu tư phát triển các loại hình cơ sở giáo dục tư thục đáp ứng nhu cầu xã hội, nhất là loại hình tư thục chất lượng cao và không vì lợi nhuận.

Tăng cường huy động và thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển giáo dục. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo có thành tích học tập tốt. Phát triển các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao kết quả nghiên cứu.

Xây dựng, triển khai chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và phổ thông bảo đảm điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình. Đồng thời, tích hợp các mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp học vào các chương trình mục tiêu quốc gia. Tiếp tục đầu tư xây dựng các trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

Huy động đa dạng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại, vốn đầu tư, tài trợ của tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư công để gia tăng thu hút các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục

Triển khai Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị, quản lý giáo dục; hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu toàn ngành giáo dục, đồng bộ, thống nhất kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, các cấp quản lý giáo dục, kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; tất cả cơ sở giáo dục

triển khai dạy học, quản lý nhà trường trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả, tạo nên hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

Xây dựng và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở, đáp ứng cơ hội học tập suốt đời cho người dân. Phát triển kho học liệu số dùng chung toàn ngành. Đây mạnh đào tạo trực tuyến theo chuẩn quốc tế. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Nghiên cứu, thí điểm và triển khai các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh; triển khai mạnh mẽ mô hình giáo dục đại học số nhằm phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Đảm bảo các điều kiện về nhân lực và hạ tầng số, đường truyền, băng thông, nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin, ưu tiên hỗ trợ các cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong hợp tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng và thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

9. Tăng cường hội nhập quốc tế

Quan tâm hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển tỉnh trong giai đoạn mới.

Đẩy mạnh hợp tác và đầu tư với nước ngoài, phát triển các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông chất lượng cao.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện bao gồm:

- Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách của ngành và các địa phương.

- Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

- Nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ODA.

- Nguồn thu từ học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Các đơn vị và địa phương lập dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện Chiến lược và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các sở, ngành,

cơ quan có liên quan, các địa phương cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ 5 năm, hằng năm; tham mưu xây dựng các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án về phát triển giáo dục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu triển khai các nhiệm vụ, Chương trình, Đề án thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh (*trong Phụ lục kèm theo*).

Chủ trì tham mưu thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng cơ chế liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp với giáo dục đại học và với các cấp học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân; triển khai Khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định của pháp luật về việc làm đồng bộ, liên thông với khung trình độ quốc gia đáp ứng yêu cầu kỹ năng nghề nghiệp của thị trường lao động; tổ chức dự báo và thông tin về nhu cầu nhân lực.

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch Chiến lược. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổng kết 10 năm về tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính

Hướng dẫn, tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước kế hoạch trung hạn và hằng năm cho các sở, ngành, địa phương để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giáo dục và đào tạo thực hiện mục tiêu, giải pháp của kế hoạch; tổng hợp, công khai số liệu chi đầu tư cho giáo dục theo kế hoạch trung hạn và hằng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và quy định pháp luật khác có liên quan.

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương ưu tiên bố trí ngân sách cho nhu cầu phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan; bảo đảm bố trí ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo bảo đảm đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu đề xuất với Trung ương ưu tiên bố trí, bổ sung biên chế ngành giáo dục sát với nhu cầu của địa phương theo định mức do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục đến năm 2030.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành, địa phương hướng dẫn, tạo điều kiện cho các nhà trường được sử dụng các công trình thể thao trên địa bàn phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường để bồi dưỡng, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện đức, trí, thể, mỹ.

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông thực hiện tuyên truyền về giáo dục. Tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền về giáo dục và đào tạo. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện tuyên truyền, giáo dục về các giá trị văn hóa trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành để kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống y tế trường học, đảm bảo việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe toàn diện cho trẻ em, học sinh để cải thiện, có kết quả rõ rệt trong việc nâng cao thể lực, sức khỏe của con người Việt Nam thế hệ mới.

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành, địa phương triển khai Đề án phát triển y tế học đường trên địa bàn toàn tỉnh (*trong Phụ lục kèm theo*).

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành giáo dục, nhất là tại các cơ sở giáo dục đào tạo.

7. Công an tỉnh

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo bảo đảm an toàn thông tin trong lĩnh vực giáo dục, nhất là tại các cơ sở giáo dục đào tạo.

8. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Tuyên truyền và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cụ thể hóa vào Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

9. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Khuyến học tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp có liên quan trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Chiến lược này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

10. Các sở, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch của tỉnh. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng, triển khai thực hiện các nội dung, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án (*trong Phụ lục kèm theo*) theo quy định của pháp luật. Tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện các chương trình, dự án theo phân công. Giám sát các hoạt động giáo dục đào tạo và phản biện xã hội đối với các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục đào tạo.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Căn cứ theo Kế hoạch này, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện. Cụ thể hóa và triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tăng cường công tác quy hoạch, bố trí đủ quỹ đất cho phát triển giáo dục và đào tạo theo quy định; bố trí đủ kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án trong lĩnh vực giáo dục của địa phương.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp chặt chẽ, thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch và các quy định hiện hành đảm bảo hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) để xem xét điều chỉnh, bổ sung phù hợp./.

Phụ lục
DANH MỤC TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN
THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	Nhiệm vụ, đề án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
1	Tham mưu triển khai thi hành Luật Học tập suốt đời; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục; Luật Giáo dục Đại học trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Khi Luật được ban hành
2	Tham mưu triển khai Luật Giáo dục Quốc phòng và an ninh trên địa bàn tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Khi Luật được ban hành
3	Tham mưu triển khai Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2025
4	Tham mưu triển khai Đề án đổi mới chương trình giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2025
5	Tham mưu triển khai Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2026
6	Tham mưu triển khai Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2026
7	Tham mưu triển khai Đề án nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2026
8	Tham mưu triển khai Đề án nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2026

9	Tham mưu triển khai Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2026
10	Tham mưu triển khai Đề án đảm bảo điều kiện để thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo Luật Giáo dục năm 2019 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2027
11	Tham mưu triển khai Đề án xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc ở các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2026
12	Tham mưu triển khai Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2026
13	Tham mưu triển khai Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2025
14	Tham mưu triển khai Đề án đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2025
15	Tham mưu triển khai Đề án đổi mới hình thức thi tốt nghiệp THPT thí điểm từ năm 2027 và triển khai đồng bộ sau năm 2030 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2027
16	Tham mưu triển khai Đề án xây dựng văn hóa học đường giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2026
17	Tham mưu triển khai Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và phổ thông giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2026

18	Tham mưu triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2026 - 2035, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2026
19	Tham mưu triển khai Đề án phát triển y tế học đường trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Các sở, ban ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2025
20	Tham mưu triển khai Đề án phát triển giáo dục thường xuyên đa dạng về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2026
21	Tham mưu triển khai Đề án phát triển và bảo tồn tiếng nói, chữ viết các dân tộc giai đoạn 2030 - 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Năm 2029